

HÀNH TINH XANH CỦA EM



TUẦN 23

Bài 9 VỀ CHIM (4 tiết)

I MỤC TIÊU

Giúp HS:

1. Đọc đúng các từ ngữ khó, đọc rõ ràng bài *Về chim* với ngữ điệu đọc phù hợp; biết ngắt giọng phù hợp với nhịp thơ; nhớ tên và nhận biết được đặc điểm riêng của mỗi loài chim được nhắc đến trong bài về.
2. Biết viết chữ viết hoa *U* cỡ vừa và cỡ nhỏ; viết câu ứng dụng *Rừng U Minh có nhiều loài chim quý*.
3. Nghe – kể câu chuyện *Cảm ơn hoa mi*; kể lại được từng đoạn câu chuyện dựa vào tranh và câu hỏi gợi ý dưới tranh (không bắt buộc kể đúng nguyên văn câu chuyện theo lời cô kể).
4. Có khả năng nhận biết và bày tỏ tình yêu đối với thế giới loài vật (loài chim); có tinh thần hợp tác trong làm việc nhóm.

II CHUẨN BỊ

1. Kiến thức

- GV nắm được đặc điểm của thể loại vè (một thể loại văn học dân gian của Việt Nam bằng văn vần dùng để khen chê); nắm được nội dung bài *Về chim*: sự vui nhộn, đa dạng, phong phú của loài chim.
- PP dạy học phát huy trải nghiệm, tăng cường hoạt động thực hành giao tiếp.

2. Phương tiện dạy học

- Sưu tầm một số tranh ảnh về các loài chim.
- Mẫu chữ viết hoa *U* cỡ vừa và cỡ nhỏ, vở *Tập viết 2 tập hai*.
- Chuẩn bị phiếu học tập ghi từ ngữ ở BT1 phần *Luyện tập sau bài đọc* nhưng bỏ trống các từ ngữ chỉ người được dùng để gọi tên các loài chim.

III HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC

TIẾT 1 - 2

ÔN BÀI CŨ

HS đọc một đoạn trong bài thơ *Luỹ tre* và nêu nội dung của đoạn vừa đọc (hoặc nêu một số chi tiết thú vị trong bài đọc).

ĐỌC

1. Khởi động

- GV yêu cầu HS làm việc cặp/ nhóm, từng HS *Nói về một loài chim mà em biết*. GV có thể đưa thêm một số câu hỏi gợi ý: *Tên của loài chim đó là gì? Loài chim đó thường sống ở đâu? Loài chim đó có đặc điểm gì?...* Đại diện một số nhóm chia sẻ trước lớp.
- GV nhận xét và dẫn sang phần *Đọc* (Để biết thêm về thế giới loài chim, chúng ta cùng đọc bài *Về chim*).

2. Đọc văn bản

- GV hướng dẫn cả lớp:
- + GV đọc mẫu toàn VB. Giọng đọc hài hước, dí dỏm khi thể hiện đặc điểm nghịch ngợm, đáng yêu hay thói xấu của từng loài. Chú ý ngắt giọng, nhấn giọng đúng chỗ. HS đọc thầm VB trong khi nghe GV đọc mẫu.
- + GV nêu một số từ ngữ có thể khó phát âm để HS luyện đọc *lon xon, liều điếu, chèo bẻo...* GV kết hợp hướng dẫn HS ngắt đúng nhịp thơ.
- + GV mời 2 HS đọc nối tiếp 2 dòng một trong bài về để HS biết cách luyện đọc theo cặp.
- + GV hướng dẫn HS hiểu nghĩa của từ ngữ đã chú giải trong mục *Từ ngữ* hoặc đưa thêm những từ ngữ còn khó hiểu đối với HS.
- Luyện đọc theo cặp/ nhóm:
- + HS đọc nối tiếp 2 dòng một lần lượt trong cặp/ nhóm (như 2 HS đã làm mẫu trước lớp). HS góp ý cho nhau.
- + GV giúp đỡ HS trong các cặp/ nhóm gặp khó khăn khi đọc bài, tuyên dương HS đọc tiến bộ.
- HS và GV đọc toàn VB *Về chim*.
- + HS đọc đồng thanh toàn VB *Về chim*.
- + Một HS đọc lại toàn VB *Về chim*.
- + GV đọc lại toàn VB và chuyển tiếp sang phần trả lời câu hỏi.

3. Trả lời câu hỏi

Câu 1. *Kể tên các loài chim được nhắc đến trong bài về.*

- GV mời một HS đọc yêu cầu. GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm.

- Cặp/ nhóm:

+ Từng HS kể tên của các loài chim trong bài vè.

+ GV theo dõi các cặp/ nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

- GV và HS thống nhất câu trả lời (Tên các loài chim được nhắc tới trong bài vè là: gà, sáo, liều điếu, chìa vôi, chèo bẻo, chim khách, sẻ, chim sâu, tu hú, cú mèo.).

Câu 2. Chơi đố vui về các loài chim.

- Cả lớp: GV mời 2 HS đố - đáp theo mẫu (một bạn đố, một bạn đáp). VD: *Chim gì vừa đi vừa nháy? Chim sáo.* GV và HS nhận xét. GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp.

- Từng cặp đố - đáp về các loài chim trong bài vè theo mẫu. HS dựa vào bài vè để cùng bạn đố vui về các loài chim, một bạn đố, một bạn trả lời. Tùy thuộc vào thời gian mà HS có thể đố về tất cả các loài chim xuất hiện trong bài hay chỉ đố về một số loài chim. GV theo dõi các nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn trong nhóm.

Câu 3. Tìm từ ngữ chỉ hoạt động của các loài chim trong bài vè.

- GV mời một HS đọc yêu cầu của bài, đọc mẫu về từ chỉ hoạt động của loài chim trong bài vè.

+ GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm.

+ Từng cặp/ nhóm HS tìm từ ngữ chỉ hoạt động của loài chim trong bài vè theo hướng dẫn mẫu.

+ GV theo dõi các cặp/ nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn.

- GV và HS thống nhất câu trả lời (Từ ngữ chỉ hoạt động của các loài chim trong bài vè là: *chạy lon xon, đi, nháy, nói linh tinh, chao đớp mồi, mách lẻo, nhặt lân la,...*).

Câu 4. Dựa vào nội dung bài vè và hiểu biết của em, giới thiệu về một loài chim.

- GV mời một HS đọc yêu cầu của bài, đọc mẫu về cách giới thiệu về một loài chim.

+ GV hướng dẫn HS luyện tập theo cặp/ nhóm.

+ Từng HS giới thiệu về loài chim trong hoặc ngoài bài vè theo hướng dẫn mẫu.

+ GV theo dõi các cặp/ nhóm, hỗ trợ HS gặp khó khăn.

- GV và HS thống nhất câu trả lời. GV lưu ý câu 4 có đáp án mở, HS có thể tùy chọn giới thiệu về một loài chim bất kì nhưng GV nên hướng dẫn HS nêu được một số nội dung như: tên loài chim, những đặc điểm nổi bật của loài chim,...

Lưu ý: Tùy theo đối tượng HS, GV có thể khuyến khích HS nói những trải nghiệm của bản thân khi giới thiệu về một loài chim ở câu 4 (Chẳng hạn: Nhà bà em nuôi rất nhiều chim bồ câu. Vì vậy, em xin giới thiệu về loài chim này...).

* *Học thuộc lòng 8 dòng đầu trong bài vè.*

- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động học thuộc lòng 8 dòng đầu trong bài vè:

+ GV treo bảng phụ hoặc trình chiếu cả bài vè.

+ Một HS đọc thành tiếng cả bài vè.

+ GV hướng dẫn HS học thuộc lòng theo hướng dẫn chung.

4. Luyện đọc lại

- HS lắng nghe GV đọc diễn cảm toàn bài thơ.
- HS tập đọc theo GV.

5. Luyện tập theo văn bản đọc

Câu 1. *Tìm những từ chỉ người được dùng để gọi các loài chim.*

- HS trao đổi theo nhóm: HS làm việc nhóm, cùng nhau trao đổi và thực hiện yêu cầu của BT và ghi kết quả vào phiếu BT.
- Cả lớp: Các nhóm trình bày kết quả thảo luận trước lớp. GV và HS nhận xét câu trả lời của các nhóm, khen tất cả các nhóm đã trả lời đúng.
- GV và HS thống nhất đáp án (Từ ngữ chỉ người được dùng để gọi các loài chim là bác, em, cậu, cô).

Câu 2. *Đặt một câu với từ ngữ ở bài tập trên.*

- Cả lớp: HS đọc yêu cầu BT. GV phân tích câu mẫu: *Bác cú mèo có đôi mắt rất tinh.* Câu có 2 bộ phận: bộ phận thứ nhất có sử dụng từ ngữ ở BT trên (bác cú mèo); bộ phận thứ 2: nêu đặc điểm của chim cú mèo (có đôi mắt rất tinh).
- HS trao đổi theo nhóm thực hiện nội dung BT. Các nhóm thống nhất đáp án (GV lưu ý đây là BT có đáp án mở, HS đặt câu phải gồm 2 bộ phận: bộ phận nêu tên loài chim và bộ phận nêu hoạt động hoặc đặc điểm của loài chim.).

TIẾT 3

VIẾT

1. Viết chữ hoa

- GV giới thiệu và hướng dẫn HS quan sát chữ viết hoa *U, Ư*.
- GV hướng dẫn HS quan sát chữ viết hoa *U*: cỡ vừa cao 5 li; cỡ nhỏ cao 2,5 li, gồm 2 nét cơ bản: nét móc hai đầu (trái – phải) và nét móc ngược phải. Chữ viết hoa *U* cấu tạo như chữ viết hoa *U*, thêm một nét móc nhỏ trên đầu nét 2.
- GV nêu quy trình viết chữ viết hoa *U*: Nét 1: Đặt bút trên đường kẻ 5, viết nét móc hai đầu (đầu móc bên trái cuộn vào trong, đầu móc bên phải hướng ra ngoài), dừng bút giữa đường kẻ 2. Nét 2: từ điểm dừng bút của nét 1, đưa bút thẳng lên đường kẻ 6 rồi chuyển hướng bút ngược lại để viết nét móc ngược phải từ trên xuống dưới, dừng bút ở đường kẻ 2.
- Sau đó nêu quy trình viết chữ viết hoa *Ư*: trước hết, viết như viết chữ *U*. Sau đó, từ điểm dừng bút của nét 2, lia bút lên đường kẻ 6, chỗ gần đầu nét 2, viết một dấu râu nhỏ có đuôi dính vào phần đầu nét 2.
- GV viết mẫu chữ viết hoa *U, Ư* trên bảng lớp. GV hướng dẫn HS viết trên bảng con chữ viết hoa *U, Ư*. HS viết bảng con. HS và GV nhận xét.
- GV hướng dẫn HS viết vào vở chữ viết hoa *U, Ư*. HS viết chữ viết hoa *U, Ư* vào vở *Tập viết 2 tập hai*. HS đổi vở cho nhau để soát lỗi.
- GV kiểm tra bài tập viết của HS, chữa nhanh một số bài và nhận xét.

2. Viết ứng dụng

- GV trình chiếu câu ứng dụng lên màn hình hoặc viết câu ứng dụng lên bảng: *Rừng U Minh có nhiều loài chim quý.*
- Một số (2 – 3) HS đọc thành tiếng câu ứng dụng. Cả lớp đọc đồng thanh.
- GV hướng dẫn HS quan sát câu ứng dụng; lưu ý HS chữ viết hoa, độ cao và khoảng cách của các con chữ.
- GV viết câu ứng dụng trên bảng lớp (trên dòng kẻ thẳng), vừa viết vừa nêu quy trình viết.
- GV hướng dẫn HS viết vào vở Tập viết:
- + GV nêu yêu cầu nội dung viết; lưu ý HS cách cầm bút, tư thế ngồi viết.
- + HS viết vào vở.
- + GV quan sát và nhận xét bài viết của HS.

TIẾT 4

NÓI VÀ NGHE

1. Nghe kể chuyện.

- GV giới thiệu nhân vật trong câu chuyện: câu chuyện kể về một vị vua ở vương quốc nọ và chú chim hoạ mi có tiếng hót rất hay.
- GV kể câu chuyện (lần 1) kết hợp chỉ các hình ảnh trong 4 bức tranh.

CẢM ƠN HOẠ MI

(1) Ở vương quốc nọ có một vị vua rất giàu có. Nhưng điều khiến nhà vua tự hào nhất là ngài có con hoạ mi có tiếng hót trong như pha lê.

(2) Một hôm, có người tặng nhà vua một con hoạ mi máy, mình dát kim cương lấp lánh. Hễ vận dây cót là chim hót, cái đuôi vẫy vẫy óng ánh sợi vàng sợi bạc. Nó có thể hót ba mươi lần liên tục. Mọi người đều thích nghe hoạ mi máy hót, không ai còn để ý đến hoạ mi thật nữa. Hoạ mi thật buồn bã bay về chốn rừng xanh.

(3) Một ngày nọ, chim máy đang hót bỗng có tiếng kêu đánh “cạch” trong bụng, rồi chim ngừng hót. Người thợ sửa chữa tháo tung chim máy ra để sửa. Tiếng chim máy bây giờ nghe rền rẹt, rền rẹt...

(4) Vài năm sau, nhà vua lâm bệnh, khó qua khỏi. Một hôm, nhà vua bỗng thấy có bóng hoạ mi ở khung cửa sổ lâu đài. Con chim bé nhỏ nghe tin nhà vua ốm nặng đã bay về... Tiếng hoạ mi hót đầy xúc cảm khiến nhà vua tỉnh lại:

- Cảm ơn hoạ mi yêu quý! Ta vô tình để chim ra khỏi hoàng cung, vậy mà chim vẫn quay về, cứu ta khỏi tay Thần Chết. - Nhà vua khẽ nói.

- Tôi không bao giờ quên giọt nước mắt của nhà vua đã nhỏ trong lần đầu tiên nghe tôi hót. - Hoạ mi đáp.

(Theo Truyện cổ An-đéc-xen)

- GV hướng dẫn HS nhớ lời nói của các nhân vật ở đoạn 4 của câu chuyện (VD: Cho HS nói theo vai: vua và chim hoạ mi).
- GV kể câu chuyện (lần 2), thỉnh thoảng dừng lại để hỏi về sự việc tiếp theo là gì để giúp HS tập trung, chú ý nghe kể.
- GV yêu cầu HS hỏi – đáp theo cặp các câu hỏi dưới mỗi tranh để nhớ nội dung câu chuyện. (Tranh 1. Nhà vua tự hào vì có con chim quý; Tranh 2. Nhà vua được tặng một con chim đồ chơi bằng máy. Vua và mọi người không để ý đến chim hoạ mi nữa. Chim hoạ mi buồn liền bay về rừng xanh; Tranh 3. Con chim đồ chơi bị hỏng, mọi người tháo tung ra để sửa nhưng không được; Tranh 4. Biết vua ốm, hoạ mi tìm về hoàng cung cất tiếng hót đầy cảm xúc giúp nhà vua khỏi bệnh.)

2. Kể lại từng đoạn của câu chuyện theo tranh.

- GV hướng dẫn cách thực hiện:
 - + Bước 1: HS làm việc cá nhân, nhìn tranh và câu hỏi dưới tranh để tập kể từng đoạn của câu chuyện, cố gắng kể đúng lời nói/ lời đối thoại của các nhân vật (nhắc HS không phải kể đúng từng câu từng chữ mà GV đã kể).
 - + Bước 2: HS tập kể chuyện theo cặp/ nhóm (kể nối tiếp các đoạn hoặc từng em kể toàn bộ câu chuyện rồi góp ý cho nhau).
- Lưu ý:* Với HS chưa thể kể được toàn bộ câu chuyện, GV chỉ yêu cầu kể 1 – 2 đoạn em thích hoặc nhớ nhất.
- GV mời một HS xung phong kể toàn bộ câu chuyện hoặc mời 2 – 4 HS kể nối tiếp 4 đoạn của câu chuyện trước lớp. Cả lớp nhận xét, GV động viên, khen ngợi.

VẬN DỤNG

Đóng vai chim hoạ mi, kể cho người thân các sự việc trong câu chuyện *Cảm ơn hoạ mi*.

- GV hướng dẫn HS thực hiện hoạt động vận dụng:
 - + HS có thể tập kể tại lớp trước (nếu có thời gian), sau đó về nhà kể cho người thân nghe.
 - + HS nhớ lại nội dung câu chuyện đã kể, đóng vai chim hoạ mi để kể lại các sự việc trong câu chuyện.

CÙNG CỐ

- GV yêu cầu HS nhắc lại những nội dung đã học. GV tóm tắt lại những nội dung chính. Sau bài *Về chim*, các em đã:
 - + Đọc hiểu VB *Về chim*.
 - + Viết đúng chữ viết hoa U, Ʊ, viết câu ứng dụng *Rừng U Minh có nhiều loài chim quý*.
 - + Nghe – kể câu chuyện *Cảm ơn hoạ mi*.
- HS nêu ý kiến về bài học (*Em thích hoạt động nào? Vì sao? Em không thích hoạt động nào? Vì sao?*). GV tiếp nhận ý kiến phản hồi của HS về bài học.
- GV nhận xét, khen ngợi, động viên HS.